

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ BÁT TRÀNG

**CÔNG KHAI DỰ TOÁN BỔ SUNG
NĂM 2025**

**(Theo quyết định số: 1840/QĐ-UBND
ngày 21/4/2025 của UBND huyện Gia
Lâm)**

Bát Tràng, năm 2025

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ BÁT TRÀNG**

Số: 120/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bát Tràng, ngày 6 tháng 5 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công khai dự toán bổ sung năm 2025 của xã Bát Tràng

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ BÁT TRÀNG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;
Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;
Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ tài chính hướng dẫn việc thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;
Căn cứ thông tư số: 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;
Căn cứ quyết định số: 6499/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2024 của UBND huyện Gia Lâm về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán thu, chi ngân sách năm 2025;
Căn cứ quyết định số: 1840/QĐ-UBND ngày 21 tháng 4 năm 2025 của UBND huyện Gia Lâm về việc phân bổ, giao bổ sung dự toán chi thường xuyên năm 2025;
Theo đề nghị của Văn phòng UBND xã; Tài chính-Kế toán xã.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai dự toán bổ sung năm 2025 của xã Bát Tràng
(theo các biểu kèm theo Quyết định này).

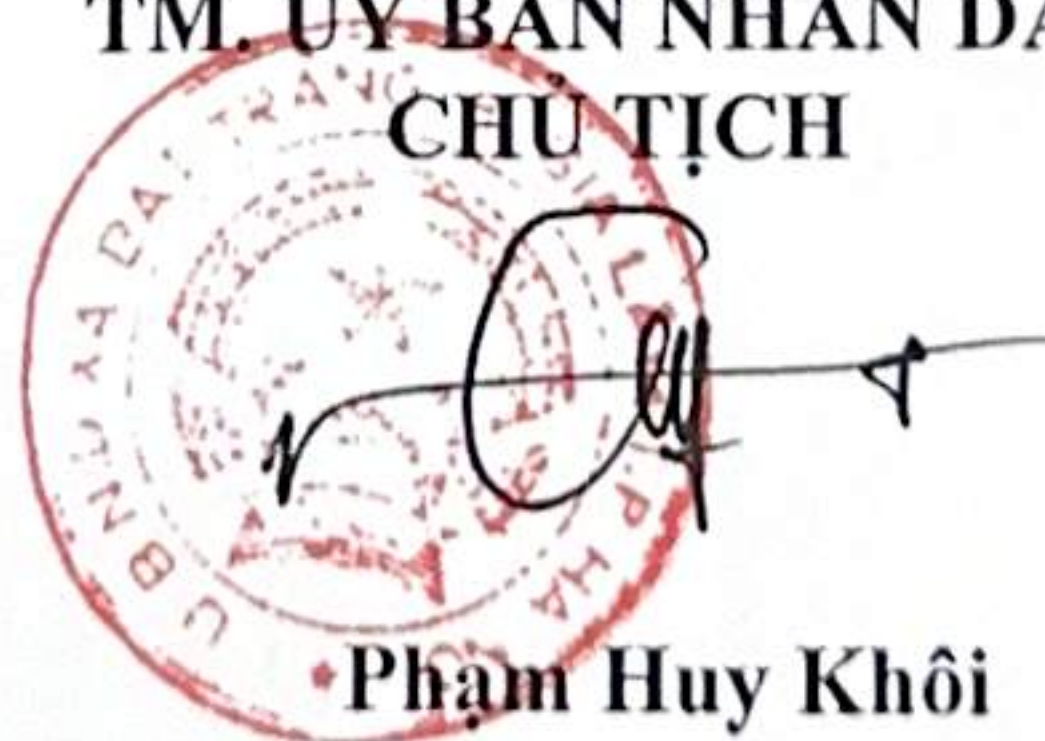
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Văn phòng UBND xã Bát Tràng, Tài chính-Kế toán tổ chức thực hiện quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ủy ban nhân dân huyện;
- Phòng Tài chính- Kế hoạch huyện;
- Đảng ủy xã;
- TT HĐND xã;
- Các đoàn thể ở xã;
- Các trưởng thôn trong xã;
- Lưu: VT, ...

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Phạm Huy Khôi

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH BỔ SUNG NĂM 2025

(Theo Quyết định số: KQ/QĐ – UBND ngày 6 / 5 /2025 của UBND xã Bát Tràng)

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2025	
		Thu NSNN	Thu NSX
A	B	3	4
	Tổng thu ngân sách xã	60,000,000	60,000,000
I	Các khoản thu 100%	0	0
1	Thu lệ phí trước bạ nhà đất		
2	Thu thuế môn bài từ cá nhân, hộ kinh doanh		
3	Phí, lệ phí		
4	Thu từ quỹ đất công ích và hoa lợi công sản		
5	Thu thuế sử dụng đất phi nông nghiệp		
7	Thu khác ngân sách		
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ %	0	
	Thuế giá trị gia tăng		
	Thuế thu nhập cá nhân		
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)		
IV	Thu chuyển nguồn		
V	Thu kết dư ngân sách năm trước		
IV	Thu bổ sung từ ngân sách cấp huyện	60,000,000	60,000,000
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách		
2	Thu bổ sung có mục tiêu	60,000,000	60,000,000

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH BỔ SUNG NĂM 2025

(Theo Quyết định số: 120/QĐ – UBND ngày 6 / 5/2025 của UBND xã Bát Tràng)

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung chi	Dự toán năm 2025		
		Tổng số I=2+3	Đầu tư phát triển 2	Thường xuyên 3
A	B			
	Tổng chi ngân sách xã	60,000,000		60,000,000
1	Chi các hoạt động kinh tế	-		
1.1	Chi sự nghiệp giao thông	-		
1.2	Chi SN nông nghiệp, thủy lợi	-		
1.3	Chi SN thị chính	-		
2	Chi giáo dục	-		
3	Chi văn hoá thông tin	-		
4	Chi hoạt động truyền thanh	-		
5	Chi bảo vệ môi trường	-		
6	Chi thể dục thể thao	-		
7	Chi sự nghiệp xã hội:	-		
8	Chi hoạt động chính sách:			
9	Chi hoạt động bảo vệ và chăm sóc trẻ em:			
10	Chi dân số kế hoạch hóa gia đình, y tế			
11	Chi lương, phụ cấp, hoạt động QLNN: Kinh phí tổ chức lấy ý kiến nhân dân về sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã	60,000,000		60,000,000
12	Chi lương, phụ cấp, hoạt động Đảng uỷ	-		
13	Chi lương, phụ cấp, hoạt động 5 đoàn thể	-		
14	Chi hoạt động NCT, CTĐ	-		
15	Chi công tác dân quân tự vệ:			
16	Chi trật tự an toàn xã hội			
17	Hỗ trợ quỹ nông dân	-		
18	Tiết kiệm 10% chi TX để CCTL	-		
19	Chi y tế khác	-		

CĂN ĐỐI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH BỔ SUNG NĂM 2025

(Theo Quyết định số: 110/QĐ – UBND ngày 6 / 5 /2025 của UBND xã Bát Tràng)

Nội dung thu	Dự toán	Nội dung chi	Dự toán	Đơn vị tính: đồng
TỔNG SỐ THU	60,000,000	TỔNG SỐ CHI	60,000,000	
I. Các khoản thu xã hưởng 100%		I. Chi đầu tư		
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ		II. Chi thường xuyên	60,000,000	
III. Thu bổ sung	60,000,000	III. Dự phòng (đối với dự toán)		
- Bổ sung cân đối				
- Bổ sung có mục tiêu	60,000,000			
IV. Thu chuyển nguồn				
V. Thu kết dư				

Biểu số 2 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính

Đơn vị: UBND xã Bát Tràng

Chương

DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC BỔ SUNG NĂM 2025

(Theo QĐ số 120/QĐ-UBND ngày 6 / 5 /2025 của UBND xã Bát Tràng)

Đvt: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách	-
1	Số thu phí, lệ phí	-
1.1	Lệ phí	
	Lệ phí môn bài	
	Lệ phí trước bạ nhà đất	
	Lệ phí chứng thực	
1.2	Phí	
	Phí A	
	Phí B	
3	Bổ sung mục tiêu	
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	-
2.1	Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2.2	Chi quản lý hành chính	-
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN	-
3.1	Lệ phí	
	Lệ phí môn bài	
	Lệ phí trước bạ nhà đất	
	Lệ phí chứng thực	
3.2	Thu thuế, khác, hoa lợi công sản từ quỹ đất công	
	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	
	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản	
	Thu khác	
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	60,000,000
1	Chi quản lý hành chính, Đảng, Đoàn thể, An ninh, Quân sự	60,000,000
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ: Kinh phí tổ chức lấy ý kiến nhân dân về sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã	60,000,000
2	Nghiên cứu khoa học	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	

3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên: Kinh phí hỗ trợ tiêm chủng mở rộng năm 2024	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình, trẻ em, hoạt động hè:	
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
5	Chi bảo đảm xã hội	-
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	-
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	-
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	-
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	-
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
11	Chi y tế khác	
12	Chi hoạt động chính sách	
13	Chi Chương trình mục tiêu	
1	Chi Chương trình mục tiêu quốc gia (Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu quốc gia)	
2	Chi Chương trình mục tiêu (Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu)	

